

BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ



TRẦN THÀNH

Phát triển nông nghiệp
đồng bằng sông Cửu Long và tác động
của nó đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh
(thành phố) trên địa bàn quân khu 9 hiện nay

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị

Mã số : 62 31 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS, TS Phạm Đức Nhuận

2. PGS, TS Trần Trung Tín

HÀ NỘI - 2010

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sản xuất nông nghiệp, đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và diện mạo nông thôn nước ta đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận xã hội, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KT - XH ở các cấp, các ngành cả Trung ương và địa phương; nhất là khi nước ta đã là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Bởi vì, phát triển nông nghiệp không chỉ bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội; bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, là một trong những mũi nhọn tạo ra nguồn hàng xuất khẩu đa dạng có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới trong thời kỳ hội nhập; thu hút nhiều việc làm mới, tạo tiền đề vững chắc để đẩy mạnh phân công lao động theo ngành và lãnh thổ..., mà còn là cơ sở và lực lượng để phát triển KT - XH bền vững, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái [21, tr.124]. Đúng như quan điểm của Đảng ta luôn nhấn mạnh: “Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng” [20, tr.191].

ĐBSCL là mảnh đất ngàn đời “sống chung với lũ”, nhưng mảnh đất này được biết đến không chỉ là vựa lúa của Miền Nam, mà còn là vùng trọng điểm lúa số một của cả nước, có nguồn thủy sản dồi dào nhất hiện nay. Nơi đây có nhiều sông ngòi, kênh rạch, đất đai màu mỡ, cây trái tươi tốt, nước ngọt bốn mùa, lấm cá, nhiều tôm, làm ra “hạt lúa, củ khoai” rất thuận lợi so với cả nước. Hàng năm sản xuất khoảng 50% sản lượng lúa, 52% sản lượng thủy sản, cung cấp 90% sản lượng gạo cho xuất khẩu. Sự phát triển nông nghiệp ĐBSCL nhất định sẽ là một vùng đất “đi trước, về trước”, có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển KT - XH của các vùng khác và của đất nước. Vùng kinh tế đặc thù này, một mặt có ý nghĩa chiến lược về kinh tế nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực cho cả nước, mặt khác còn có ý nghĩa QP - AN đặc biệt. Trong quá khứ và hiện tại, ĐBSCL có truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất, vùng biên giới trên bộ giáp Vương

quốc Campuchia và vùng biển rộng giáp hầu hết các nước ASEAN, có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về kinh tế - quốc phòng trong chiến lược phòng thủ chung của đất nước - là tuyến đầu do lực lượng vũ trang QK9 đảm nhiệm, cả trên biên giới đất liền và biên giới biển cực Nam của Tổ quốc.

Thấy rõ vị trí và tiềm năng to lớn của ĐBSCL, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã dành sự quan tâm đặc biệt, chỉ đạo và hỗ trợ trên nhiều mặt nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển ở vùng này như tiến hành quy hoạch tổng thể, đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, giao thông, chinh phục vùng Đồng Tháp Mười, khai thác tứ giác Long Xuyên, bán đảo Cà Mau, cải tạo chua phèn vùng ngập mặn... Nhờ vậy, kinh tế của vùng đã có bước phát triển mạnh mẽ, bộ mặt KT - XH ở nhiều địa phương đã có những thay đổi, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, thế trận phòng thủ không ngừng được củng cố.

Tuy vậy, so với tiềm năng vốn có mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng này thì nông nghiệp tuy có phát triển, nhưng không đều, phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc, một số địa phương nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng kháng chiến cũ phát triển chậm, còn nhiều hộ nghèo; giá cả hàng hoá nông phẩm không ổn định, ảnh hưởng đến đời sống nông dân, thực tiễn đang vấp phải hiện trạng “nông nghiệp đi lên, nông dân đi xuống”, tác động tiêu cực đến quân sự, QP - AN. Đặc biệt trong điều kiện mới, phát triển nông nghiệp ĐBSCL đang đặt ra những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp tới củng cố KVPT trên địa bàn Quân khu như: tổ chức xây dựng lực lượng, triển khai thế trận, huy động sức dân... Chưa có phương thức kết hợp chặt chẽ giữa qui hoạch phát triển KT - XH với QP - AN, nhận thức nội dung, biện pháp củng cố KVPT chưa đầy đủ, chưa thật sự cơ bản và đồng bộ [16, tr.7], đòi hỏi phải xử lý một cách khoa học thì mới đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Trong khi đó việc đánh giá, quản lý, khai thác mọi tiềm năng trong phát triển nông nghiệp và mối tương tác của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay chưa thích ứng với xu thế hội nhập, vẫn chưa thể hiện đầy đủ tầm chiến lược, chưa mang tính đột phá, nhiều vấn đề chưa có lời giải đáp thoả đáng. Vì vậy, tiếp cận ở góc độ chuyên

ngành kinh tế chính trị, tác giả lựa chọn đề tài **“Phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long và tác động của nó đến củng cố khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trên địa bàn Quân khu 9 hiện nay”** làm luận án tiến sĩ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

*** Mục đích:**

Luận giải những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9. Trên cơ sở đó, xem xét những tác động của phát triển nông nghiệp ĐBSCL, đề xuất những định hướng và giải pháp khả thi để phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đối với củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

*** Nhiệm vụ:**

Thực hiện mục đích trên, luận án có nhiệm vụ:

- Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.
- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp ĐBSCL và tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.
- Đề xuất định hướng và một số giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đối với củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

*** Đối tượng nghiên cứu:** Sự phát triển nông nghiệp ĐBSCL (chủ yếu là lương thực và thủy sản) và tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9.

*** Phạm vi nghiên cứu:** Khu vực 12 tỉnh, thành phố ĐBSCL: Cần Thơ, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau (không kể tỉnh Long An thuộc địa bàn Quân khu 7). Tập trung nghiên cứu sự tác động của phát triển nông nghiệp đến củng cố KVPT trên địa bàn, nhất là sự tác động đó trên tuyến vành đai biên giới Tây Nam (kể cả vành đai biên giới biển có liên quan).

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin, kinh tế học quân sự Mác - Lênin, cùng các phương pháp phân tích, so sánh, thống kê... để làm sáng tỏ cả về mặt định tính và định lượng những nội dung đề tài đề cập tới.

Mặt khác, đề tài bám sát các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; các Nghị quyết của Đảng bộ 12 tỉnh, thành phố thuộc ĐBSCL và các Nghị quyết của Đảng uỷ QK9. Đồng thời tác giả tham khảo các đề tài có liên quan của các nhà khoa học trong và ngoài nước trên tinh thần vận dụng, kế thừa có chọn lọc.

5. Những đóng góp mới

- Làm rõ tính đặc thù của phát triển nông nghiệp ĐBSCL và vấn đề củng cố KVPT trên địa bàn QK9 so với các vùng khác trong cả nước.

- Làm rõ sự tác động của phát triển nông nghiệp ĐBSCL (nhất là phát triển nông nghiệp vành đai biên giới) đến củng cố KVPT trên địa bàn QK9 là yêu cầu khách quan và chỉ ra nội dung tác động đó.

- Đề xuất những giải pháp thiết thực để phát huy tác động tích cực của phát triển nông nghiệp ĐBSCL đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn

Đề tài được thực hiện sẽ góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung và phát triển nông nghiệp ĐBSCL nói riêng, có tính đến sự tác động của nó đến củng cố KVPT tỉnh (thành phố) trên địa bàn QK9 trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể làm tài liệu tham khảo nghiên cứu và giảng dạy môn kinh tế chính trị, kinh tế quân sự ở các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, luận án gồm 3 chương, (8 tiết), kết luận, danh mục công trình đã được công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Những nghiên cứu về nông nghiệp ở một số nước có liên quan đến đề tài

Trên thế giới, đã có nhiều tài liệu, công trình khoa học nghiên cứu luận giải nhiều bài học quý khi đề cập đến kinh tế nông nghiệp, nông thôn và những tác động cả tích cực và tiêu cực của nó đến nhiều vấn đề lớn như: tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống chính trị xã hội, môi trường và tác động đến cả QP - AN. Điển hình như Trung Quốc, trong quá trình cải cách thể chế kinh tế, cuộc cải cách nông nghiệp là một lĩnh vực đột phá đầu tiên, được quan tâm nhất và được coi là lĩnh vực thu được thành công nhiều nhất trong giai đoạn đầu khởi xướng; nhưng càng về sau cũng bộc lộ nhiều hạn chế nhất, những vấn đề phức tạp chủ yếu diễn ra ở nông thôn, nếu không giải quyết triệt để sẽ tác động đến sự ổn định chính trị xã hội. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã chỉ rõ: “Trung Quốc có 1,3 tỷ dân, đa số là người dân nông thôn, nông nghiệp và nông thôn không phát triển được, đời sống của người nông dân không được cải thiện rõ rệt, chúng ta không thể thực hiện được mục tiêu xây dựng xã hội khá giả, không thể thực hiện được hiện đại hoá cả nước, không thể thực hiện được toàn dân cùng giàu có, không thể giữ ổn định lâu dài được” [14, tr.7]. Vì vậy, trong những năm gần đây đã có nhiều tài liệu nghiên cứu về vấn đề này như: Lục Học Nghệ (2007) với “*Nông nghiệp, nông thôn và nông dân Trung Quốc: biến đổi và phát triển*”, Cốc Nguyên Dương (2007) với “*Tình trạng tam nông Trung Quốc: thành tựu, vấn đề và thách thức*”, Nguyễn Hoa Mai (2008) với “*Trung Quốc: một số thách thức trong thực hiện chính sách tam nông*”... tập trung nhất là những “*văn kiện số 1*” về chính sách của Đảng cộng sản Trung Quốc đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn (thường được gọi là chính sách “tam nông” và từ năm 2004 đến năm 2009 đã có 11 văn kiện số 1 đề cập đến vấn đề này); trong đó định hướng nhiều nội dung quan trọng như: Nhà nước đầu tư mạnh mẽ cho nông nghiệp, chú trọng

kết cấu hạ tầng, từng bước xây dựng nền “nông nghiệp điện tử”, coi trọng các vấn đề chính sách, giáo dục, bảo hiểm nông thôn, làm tốt chức năng hệ thống chính trị ở cơ sở (một nội dung quan trọng của KVPT).

Đặc biệt, tài liệu nghiên cứu của Trác-Vệ-Hoa với “*lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc 30 năm qua*” đã phân ánh rõ nét bức tranh phát triển của nông nghiệp, nông dân, nông thôn Trung Quốc thời kỳ cải cách. Nội dung nghiên cứu này chỉ rõ: tiến trình lịch sử vĩ đại cải cách, phát triển nông nghiệp, nông thôn trải qua bốn giai đoạn; năm thành tựu chủ yếu và kinh nghiệm quan trọng trong cải cách, phát triển trong lĩnh vực này; bốn định hướng mở ra cục diện mới trong cải cách, phát triển nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc. Trong hệ thống nội dung của công trình nghiên cứu này (nhất là những định hướng mang tính đột phá), có ba điểm chất lọc rất quan trọng có liên quan đến đề tài nghiên cứu, cần tham khảo để vận dụng như là những bài học, yêu cầu “cốt tử” trong phát triển nông nghiệp, đó là: phải coi trọng cao độ an ninh lương thực quốc gia, đặt phát triển sản xuất lương thực vào vị trí hàng đầu trong xây dựng nông nghiệp hiện đại, xác định rõ và thực hiện mục tiêu phát triển lương thực, tăng cường chính sách nâng đỡ, huy động đầy đủ tính tích cực trong nông dân trồng lương thực, địa phương nắm lương thực, không ngừng tăng cường năng lực sản xuất tổng hợp; phải định hướng cho nông dân xây dựng vững chắc tư tưởng chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, CNXH, hình thành tác phong xã hội tốt đẹp; phải coi sản xuất lương thực, nông dân tăng thu nhập, bảo vệ đất canh tác, xử lý môi trường hài hoà, ổn định, liên hệ mật thiết với quần chúng, giữ gìn nông thôn ổn định là những nội dung trọng sát hạch thành tích chính trị của ban lãnh đạo địa phương đặc biệt là cấp huyện (thị).

Gần đây, nghiên cứu của Nguyễn Xuân Cường (2009) với “*Nông nghiệp Trung Quốc chặng đường 60 năm*” đã phân tích khá sâu sắc nền nông nghiệp Trung Quốc trải qua những bước thử nghiệm quanh co, thăng trầm với hai giai đoạn phát triển cơ bản: Từ 1949 – 1978 là thời kỳ nông nghiệp “nuôi” công

ng nghiệp, từ 1978 đến nay là thời kỳ giải phóng và phát triển sức sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở phân tích những thành tựu, khó khăn trong quá trình phát triển nông nghiệp 60 năm qua, nêu ra phương hướng phát triển nông nghiệp của Trung Quốc trong thời gian tới, rút ra một số bài học cần nghiên cứu vận dụng, đó là: nâng cao nhận thức và giải quyết vấn đề nông nghiệp phải gắn chặt với việc giải quyết vấn đề ‘tam nông’; phối hợp giữa thị trường – Nhà nước và xã hội để phát huy ưu thế của mỗi địa phương, kết hợp nguồn lực vùng miền, nguồn lực trong và ngoài nước; tập trung giải quyết hài hoà quan hệ thành thị - nông thôn, giải quyết những bức xúc của nông dân, đẩy mạnh phát triển sự nghiệp xã hội nông thôn; chủ động hội nhập, tiếp thu các thành quả của văn minh nhân loại và ứng phó kịp thời với những biến động thị trường nông sản quốc tế.

Bên cạnh đó, tham khảo những nghiên cứu về phát triển nông nghiệp của các nước ASEAN, những quốc gia có điều kiện tương đồng về nhiều mặt với nước ta nói chung và ĐBSCL nói riêng về địa lý, khí hậu, trình độ phát triển nông nghiệp, tập quán canh tác... cũng rất cần thiết. Chẳng hạn như: Vũ Tuyết Loan (2008) với “*Thái Lan – quốc gia có nền nông nghiệp phát triển*” khẳng định việc xây dựng chiến lược toàn diện định hướng ngay từ đầu lấy xuất khẩu hàng hoá nông sản làm mũi nhọn đột phá để tích lũy vốn ban đầu cho công nghiệp hoá ở Thái Lan đã thành công với vị thế là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, là nước xuất khẩu thực phẩm mạnh nhất khu vực Đông – Nam Á và đang tiến hành các chiến lược đột phá về phát triển nông nghiệp trong thời gian tới; Đặng Kim Oanh (2008) với “*Chính sách phát triển nông nghiệp của Indônêxia*” khẳng định để vực dậy lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân sau hai thập kỷ bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, khủng hoảng tiền tệ khu vực, Nhà nước Indônêxia đã tập trung vào xây dựng hệ thống chính sách để tăng trưởng nông nghiệp hiệu quả và bền vững rất cần được tham khảo, đó là: thực hiện an ninh lương thực được coi là chương trình hoạt động đặc biệt; đẩy mạnh

hoạt động thị trường một số đầu vào của nông nghiệp; đa dạng hoá việc phát triển thị trường giống cây trồng và đầu tư mạnh vào hệ thống hợp tác xã. Hay như nhiều tài liệu đều thống nhất khẳng định: việc ổn định và phát triển nhanh chóng tình hình KT - XH sau thời kỳ đen tối của nạn diệt chủng ở Vương quốc Campuchia chính là nhờ khai thác hiệu quả tiềm năng nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực bằng chính nội lực quốc gia, làm tiền đề để nhân dân định cư an tâm sản xuất.

Tất cả những vấn đề nêu trên chính là những bài học bổ ích góp phần định hướng phát triển nền nông nghiệp nước ta trong thời kỳ hội nhập. Tuy nhiên, do sự khác nhau về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, về chế độ chính trị - xã hội, tính đặc thù của mỗi quốc gia; kể cả khác biệt về đường lối nghệ thuật, chiến lược quân sự, nên đề tài chỉ có thể tham khảo kinh nghiệm, kế thừa từ những bài học đó một số nhân tố đặc trưng, chứ không sao chép, ứng dụng một cách máy móc vào điều kiện của nước ta, trong đó có vùng nông nghiệp ĐBSCL. Hơn nữa, những nghiên cứu về phát triển nông nghiệp ở các nước nêu trên thường chú trọng về các giải pháp kinh tế hướng đến sự tăng trưởng hiệu quả, bền vững cho lĩnh vực này, nếu có đề cập ảnh hưởng đến tình hình KT - XH thì cũng rất “nhạt”, thậm chí có xu hướng tách biệt khi nghiên cứu, nhất là vấn đề phức tạp, nhạy cảm như lĩnh vực QP - AN.

2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài

Thứ nhất, trên phương diện chủ trương, chính sách, luật pháp: Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết, đề án, chỉ thị quan trọng định hướng phát triển KT - XH nói chung, phát triển nông nghiệp nói riêng phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Điểm đột phá đầu tiên là bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp theo tinh thần chỉ thị 100-CT/TW (13-1-1981) của Ban Bí thư Trung ương về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”; đây là bước tiến lớn trong nông nghiệp nước ta,

nhưng vẫn còn nhiều điều bất cập, nhất là vẫn còn xem nhẹ lợi ích của xã viên trong việc thực hiện chế độ khoán dẫn đến tình hình xã viên trả lại ruộng khoán, cùng với thiên tai liên tiếp xảy ra làm cho sản xuất giảm sút, nạn đói xuất hiện vào năm 1987 và 1988. Để khắc phục tình hình này, cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp được tiếp tục bổ sung và phát triển theo tinh thần nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) với các nội dung như: bảo đảm cho người nông dân nhận khoán canh tác trên diện tích có qui mô thích hợp và ổn định trong khoảng 5 năm, khuyến khích xã viên đầu tư phát triển chăn nuôi, mua sắm các công cụ, máy móc thúc đẩy sản xuất và phát triển kinh tế gia đình... Tháng 3 năm 1989 cơ chế “khoán 10” lại được tiếp tục hoàn thiện một bước theo tinh thần Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá VI, với chủ trương thanh toán và khoán gọn đến hộ gia đình nông dân. Thực chất là đổi mới toàn diện cả về quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp, thừa nhận vai trò chủ thể của kinh tế hộ gia đình và tôn trọng lợi ích của nông dân. Đây là sự đổi mới vừa đòi hỏi quá trình, vừa đòi hỏi có tính bước ngoặt trong nhận thức về cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp của Đảng ta. Nhìn lại chặng đường hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn; tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất. Vì vậy, Nghị quyết 26-NQ/T.U của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy khoá X (tiến hành từ ngày 9 đến 17-7-2008) “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã thể hiện bước tiến mới về nhận thức, trong đó đã phản ánh đầy đủ, sâu sắc những thành tựu, hạn chế, quan điểm, mục tiêu, tám nhóm nhiệm vụ và giải pháp chính như: xây dựng nền nông nghiệp toàn diện; xây dựng kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn; nghiên cứu, chuyển giao,